

Panium - Số Hai Mười

Trình tự của chương 11 sách Đa-ni-ên và lời cảnh báo năm 2025

Jeff Pippenger

2026-03-02

Sự áp dụng của các tiên phong đối với lịch sử đã làm ứng nghiệm các câu mười đến mười sáu xác định rằng La Mã, là bên thiết lập khái tượng, đã xuất hiện vào năm 200 TCN, cùng năm với trận Panium; và tôi đề xuất rằng vào năm 2025 La Mã đã xuất hiện và thiết lập khái tượng qua lễ nhậm chức của Trump và Giáo hoàng Leo. Năm 2025 đánh dấu lần duy nhất một Giáo hoàng và một Tổng thống được làm lễ nhậm chức trong cùng một năm. Con thú và ảnh tượng của nó đã được nêu cao cho hết thảy những ai sẵn lòng nhìn thấy vào năm 2025. Khác với các tiên phong, tôi áp dụng trình tự của các câu, thay vì dựa vào lịch sử ban đầu đã làm ứng nghiệm các câu ấy. Tôi đồng thuận với lịch sử, nhưng tôi dựa vào một trình tự nằm trong chính các câu làm khuôn khổ cho lịch sử, trái lại với việc dùng lịch sử để xác định khuôn khổ của các câu. Tôi chủ trương rằng cả hai cách tiếp cận đều chuẩn xác.

Cuộc khởi nghĩa của nhà Macabê

Tôi áp dụng trình tự của nhà Maccabê theo cách tương tự. Cuộc khởi nghĩa Maccabê vào năm 167 TCN diễn ra khá lâu sau trận Panium năm 200 TCN, và khá lâu trước khi Pompey chiếm Giêrusalem vào năm 63 TCN. Trình tự bắt đầu ở câu mười sáu với việc tướng Pompey chinh phục Giêrusalem vào năm 63 TCN, và tiếp diễn cho đến Tiberias Caesar, người trị vì khi Giêsu bị đóng đinh. Thập giá và Tiberias được nêu ở câu hai mươi hai của chương mười một.

Và với binh lực như nước lụt, chúng sẽ bị cuốn trôi khỏi trước mặt người, và sẽ bị bẻ gãy; phải, cả đến vị thủ lãnh của giao ước. Đa-ni-ên 11:22.

Việc Tướng Pompey chinh phục Giê-ru-sa-lem vào năm 63 trước Công nguyên trong câu mười sáu, và rồi thập tự giá vào năm 31 sau Công nguyên trong câu hai mươi hai, biểu thị một dòng tiên tri khởi đi từ một biểu tượng của luật ngày Chủ nhật và kết thúc với một biểu tượng của luật ngày Chủ nhật. Câu hai mươi ba là một sự gián đoạn trong đoạn văn, qua đó đánh dấu câu hai mươi hai là điểm kết thúc của dòng tiên tri đã khởi đầu ở câu mười sáu. Cùng với sự kết thúc dứt khoát của dòng này ở câu hai mươi hai là thực tế rằng câu hai mươi hai là một biểu tượng của cùng một mốc chỉ đường được biểu thị ở câu mười sáu, qua đó cung cấp một lời chứng Anpha và Ômêga rằng các câu mười sáu đến hai mươi hai biểu thị một dòng tiên tri riêng biệt.

Thêm vào đó, các câu mười lăm và mười sáu đang đánh dấu sự chuyển tiếp từ vương quốc Seleucid sang quyền lực La Mã; có thể thấy một sự gián đoạn về tính liên tục từ người Seleucid ở câu mười lăm sang người La Mã ở câu mười sáu, và tuyến từ câu mười sáu đến hai mươi hai rõ ràng được tách biệt như một tuyến tiên tri đơn nhất. Câu mười sáu giới thiệu quyền lực kế tiếp sẽ thống trị Giu-đê, qua đó đánh dấu một sự chuyển tiếp của lịch sử tiên tri, tương tự như ở câu hai mươi ba. Tuyến này mở đầu và kết thúc với một biểu tượng của luật ngày Chủ nhật, và tuyến này kết thúc ở câu thứ hai mươi hai của chương mười một.

Smith và Ba Xê-da

Thực tế là câu mười sáu tượng trưng cho đạo luật ngày Chủ nhật, cũng như câu hai mươi hai—đòi hỏi hai câu ấy phải được đặt song hành với nhau. Uriah Smith bình luận về câu hai mươi ba và giải thích vì sao nó trình bày một tiến trình lịch sử khởi đầu lùi xa hơn trong dòng lịch sử của các câu trước, thay vì trình bày một tiến trình lịch sử tiếp nối ngay sau biến cố thập tự giá ở câu hai mươi hai.

'CÂU 23. Và sau khi đã lập liên minh với y, y sẽ hành động cách gian dối: vì y sẽ trỗi dậy và trở nên mạnh nhờ một số ít người.'

Đại từ “người ấy” mà với người đó minh ước được lập, như đã nói ở đây, hẳn phải chỉ cùng một quyền lực đã là chủ đề của lời tiên tri từ câu 14; và rằng đó là quyền lực La Mã được chứng tỏ không còn gì phải tranh cãi qua sự ứng nghiệm lời tiên tri nơi ba nhân vật, như đã lưu ý, là những người lần lượt cai trị Đế quốc La Mã: tức Julius, Augustus, và Tiberius Caesar. Người thứ nhất, khi trở về đôn lữ của xứ mình trong khải hoàn, đã vấp ngã và sụp đổ, và không còn được tìm thấy. Câu 19. Người thứ hai là người đặt ra thuế khóa; ông trị vì trong vinh quang của vương quốc, và qua đời chẳng phải trong cơn thịnh nộ cũng chẳng trong chiến trận, nhưng bình an trên giường mình. Câu 20. Người thứ ba là kẻ giả hình, và thuộc hạng nhân cách đê tiện nhất. Ông vào chiếm lấy vương quốc cách êm thấm, nhưng cả triều đại lẫn mạng sống ông đều kết thúc bởi bạo lực. Và trong thời ông trị vì, Vị Thủ Lãnh của giao ước, Đức Chúa Jêsus thành Na-xa-rét, đã bị xử tử trên thập tự giá. Câu 21, 22. Đấng Christ không bao giờ có thể bị bẻ gãy hay bị giết một lần nữa; bởi đó, trong không một chính quyền nào khác, và vào không một thời điểm nào khác, chúng ta có thể tìm được sự ứng nghiệm của những sự kiện này. Một số người tìm cách áp dụng các câu này cho Antiochus, và coi một trong các thầy tế lễ thượng phẩm Do Thái là vị thủ lĩnh của giao ước, dẫn rằng họ không bao giờ được gọi như thế. Đó là cùng một kiểu lý luận vốn cố gắng coi triều đại của Antiochus là sự ứng nghiệm của sừng nhỏ trong Đa-ni-ên 8; và nó được nêu ra vì cùng một mục đích: tức là bẻ gãy chuỗi chứng cứ vĩ đại cho thấy rằng giáo lý Tái Lâm là giáo lý của Kinh Thánh, và rằng Đấng Christ nay đã ở ngay trước cửa. Nhưng chứng cứ ấy không thể bị lật đổ; chuỗi ấy không thể bị bẻ gãy.

“Sau khi đã dẫn dắt chúng ta đi qua các biến cố thế tục của đế quốc cho đến cuối bảy mươi tuần lễ, nhà tiên tri, trong câu 23, đưa chúng ta trở lại thời điểm khi người La Mã trực tiếp liên hệ với dân sự của Đức Chúa Trời qua liên minh với người Do Thái, năm 161 TCN: từ mốc ấy, chúng ta lại được dẫn đi theo một tuyến biến cố trực tiếp cho đến sự khải hoàn cuối cùng của hội thánh, và sự thiết lập vương quốc đời đời của Đức Chúa Trời. Người Do Thái, bị các vua Sy-ri áp bức nặng nề, đã sai một phái bộ đến La Mã để cầu xin sự trợ giúp của người La Mã, và liên kết với họ trong ‘một minh ước hữu hảo và liên bang.’ 1 Mac.8; Prideaux, II, 234; Cổ vật Do Thái của Josephus, quyển 12, chương 10, mục 6. Người La Mã đã lắng nghe lời thỉnh cầu của người Do Thái, và ban cho họ một sắc lệnh, được viết bằng những lời như sau:—”

'Sắc lệnh của viện nguyên lão về một minh ước trợ giúp và hữu nghị với dân tộc Do Thái. Không ai thuộc quyền người La Mã được phép gây chiến với dân tộc Do Thái, cũng không được tiếp tay cho những kẻ làm như vậy, dù bằng cách gửi cho họ ngũ cốc, hay tàu thuyền, hay tiền bạc; và nếu có cuộc tấn công nào nhằm vào người Do Thái, người La Mã sẽ trợ giúp họ trong khả năng của mình; và lại nữa, nếu có cuộc tấn công nào nhằm vào người La Mã, người

Do Thái sẽ trợ giúp họ. Và nếu người Do Thái muốn bỏ sung vào, hoặc bớt đi khỏi, minh ước trợ giúp này, thì điều đó sẽ được thực hiện với sự đồng thuận chung của người La Mã. Và bất cứ sự bỏ sung nào như thế được thực hiện, thì sẽ có hiệu lực.' 'Sắc lệnh này,' Josephus nói, 'đã được chép bởi Eupolemus, con của John, và bởi Jason, con của Eleazer, khi Judas là thượng tế của dân tộc, và Simon, người anh em của ông, là tổng chỉ huy quân đội. Và đây là minh ước đầu tiên mà người La Mã lập với người Do Thái, và đã được tiến hành theo thể thức này.'

Vào thời điểm này, người La Mã là một dân tộc nhỏ bé, và bắt đầu hành động cách lừa dối, hay bằng mưu kế xảo quyệt, như chính từ ngữ ấy biểu thị. Và từ đây, họ vươn lên với một đà thăng tiến đều đặn và mau lẹ đến đỉnh cao quyền lực mà về sau họ đã đạt tới. Uriah Smith, Daniel and the Revelation, trang 270, 271.

Không những thập tự giá của câu hai mươi hai kết thúc một tuyến bằng một biểu tượng cũng xuất hiện ở phần đầu của tuyến, mà câu kế tiếp còn quay trở lại phần lịch sử đi trước thập tự giá, vào khoảng ba mươi năm sau Panium và khoảng một trăm năm trước khi La Mã chinh phục Giê-ru-sa-lem. Mốc của “liên minh của người Do Thái” mà Smith ở đây xác định là năm 161 TCN, được các tiên phong khác xác định là năm 158 TCN. Điều tôi tập trung ở đây không phải là niên đại cho bằng việc các câu mười sáu đến hai mươi hai biểu trưng một tuyến lịch sử tiên tri mà trong đó đạo luật ngày Chủ nhật vừa là Alpha vừa là Ômêga của tuyến. Rồi khi tuyến của các câu mười sáu đến hai mươi hai đã được trình bày, câu hai mươi ba lặp lại và khai triển lịch sử nằm trong tuyến của các câu mười sáu đến hai mươi hai. Dòng lịch sử tiên tri được câu hai mươi ba trình bày là lịch sử của nhà Maccabê, và lịch sử của nhà Maccabê là một sự song hành hoàn hảo với lịch sử của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Hai triều đại

Những người Maccabê tiêu biểu cho một cuộc khởi nghĩa chống lại vương quốc Seleucid, khởi sự dưới triều Antiochus Epiphanes. Cuộc khởi nghĩa ấy chống lại vương quốc Seleucid phương bắc và đã đem lại chiến thắng, từ đó hình thành một trong hai vương triều Giuđê trong thời kỳ rối loạn dẫn tới sự tàn phá Giêrusalem vào năm 70 SCN. Vương triều thứ nhất là Hasmonean, vương triều thứ hai là Herodian. Vương triều Herodian là chính quyền Giuđê thứ hai sau khi được giải thoát khỏi vương quốc Seleucid phương bắc. Vương triều này gắn trực tiếp với hệ thống La Mã, trong khi vương triều Hasmonean trước đó về bản chất là Do Thái. Vương triều Hasmonean khởi đầu năm 141 TCN, và đến năm 37 TCN vương triều Herodian bắt đầu, kéo dài cho đến năm 70 SCN.

Các triều đại đại diện cho chính quyền của Giu-đê, miền đất vinh hiển cổ xưa, hiểu theo nghĩa đen. Cuộc khởi nghĩa Macabê diễn ra từ năm 167 đến 160 TCN. Năm 164 TCN, người Macabê đã đánh đuổi Antiochus Epiphanes khỏi Giê-ru-sa-lem và thanh tẩy, tái cung hiến Đền Thờ sau khi ông đã làm ô uế nó; nhưng mãi đến năm 141 TCN thì quyền lực Seleucid phương bắc mới bị đánh bại hoàn toàn và triều đại Hasmonean mới khởi đầu.

Vương triều Hê-rốt là một chìa khóa cho tuyến này, vì chính Hê-rốt Đại đế đã ra lệnh giết các hài nhi vào thời Chúa Giê-su giáng sinh, và con trai ông đang cai trị khi Chúa Giê-su chịu chết. Hê-rốt Đại đế là người cha, và ông là vua trị vì Giu-đê; nhưng con ông chỉ là một tiểu vương, nghĩa là ông cai trị một phần tư vương quốc, giống như một tổng trấn hơn là một vị vua. Vì thế ông không có

thần quyền cần có, nên phải nhờ đến Phi-lát để đóng đinh Đấng Christ. Sự giáng sinh của Chúa Giê-su là "thời kỳ tận cùng" mang tính tiên tri trong tuyên tiên tri của Ngài, và cái chết của Ngài tượng trưng cho luật ngày Chủ nhật. Hê-rôt thứ nhất tượng trưng cho năm 1989, và Hê-rôt sau cùng là luật ngày Chủ nhật. Từ Hê-rôt cha đến Hê-rôt con là tuyên tiên tri của Đấng Christ.

Dòng tộc Maccabê bắt đầu bằng một cuộc khởi nghĩa thắng lợi chống lại một vị vua phương bắc, kẻ đã áp đặt các phong tục, văn hóa Hy Lạp cũng như tôn giáo Hy Lạp của mình lên người Do Thái. Sự khởi đầu của triều đại Hasmônê được biểu trưng bằng năm 1798. Vì sao lại như thế, hẳn bạn sẽ hỏi? Nếu một triều đại khởi đầu tại một "thời kỳ cuối cùng" theo lời tiên tri, như đã xảy ra với triều đại Hêrôđê vào lúc Đấng Christ giáng sinh, thì triều đại kia, theo tất yếu của lời tiên tri, cũng sẽ có cùng một khởi điểm. Cả hai triều đại đều bắt đầu với một thời kỳ cuối cùng, khi chúng ta xem sự giáng sinh của Đấng Christ là "thời kỳ cuối cùng", nhưng kẻ đại chằng bao giờ thấy được ánh sáng đã được mở ấn gắn liền với thời kỳ cuối cùng.

Trong thời đại của chúng ta, cũng như trong thời của Đấng Christ, có thể có sự đọc hiểu sai hay giải nghĩa sai Kinh Thánh. Nếu người Do Thái đã nghiên cứu Kinh Thánh với tâm lòng sốt sắng, chuyên tâm cầu nguyện, thì sự tra xét ấy hẳn đã được đền đáp bằng sự hiểu biết chân thật về thì kỳ — và không chỉ về thì kỳ, mà còn về cách thức Đấng Christ sẽ hiện ra. Họ đã chẳng quy sự tái lâm vinh hiển lần thứ hai của Đấng Christ cho kỳ giáng lâm thứ nhất của Ngài. Họ có lời chứng của Đa-ni-ên; họ có lời chứng của Ê-sai và các đấng tiên tri khác; họ có giáo huấn của Môi-se; và kia, Đấng Christ đang ở ngay giữa vòng họ, vậy mà họ vẫn tra cứu Kinh Thánh để tìm bằng chứng liên quan đến sự đến của Ngài. Và họ đang làm đối với Đấng Christ chính những điều đã được tiên tri rằng họ sẽ làm. Họ bị mù lòa đến nỗi không biết mình đang làm gì.

Và nhiều người cũng đang làm những điều tương tự ngày nay, vào năm 1897, vì họ chưa có kinh nghiệm đối với những sứ điệp thử thách được bao hàm trong các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Có những người đang tra cứu Kinh Thánh để tìm bằng chứng rằng các sứ điệp này vẫn còn thuộc về tương lai. Họ góp nhặt tính chân thật của các sứ điệp, nhưng lại không đặt chúng vào vị trí thích đáng trong lịch sử tiên tri. Bởi đó, những người như vậy có nguy cơ làm cho dân sự lạc hướng trong việc định vị các sứ điệp. Họ không thấy và không hiểu thời kỳ cuối cùng, cũng không biết khi nào phải định vị các sứ điệp. Ngày của Đức Chúa Trời đang đến với những bước chân lén lút; nhưng những người được cho là khôn ngoan và vĩ đại lại luôn miệng bàn luận về 'Higher Education.' Họ không biết các dấu hiệu của sự tái lâm của Đấng Christ, hay của sự tận thế. Paulson Collection, 423, 424.

Việc xác định sự giáng sinh của Đấng Christ là "thời kỳ tận cùng", và vì thế là chìa khóa để đưa dòng Maccabê vào bối cảnh lẽ thật hiện tại của những ngày sau rốt, là đặt Đấng Christ làm tâm điểm của chính đoạn ấy, điều này cũng là bằng chứng rằng sự áp dụng ấy là xác đáng.

Dòng Maccabê minh họa cho đất vinh hiển mang tính thiêng liêng, và bức minh họa ấy khởi đầu trong một giai đoạn khi cư dân của đất vinh hiển thoát ly khỏi sự thống trị chính trị và tôn giáo của vua phương bắc. Cuộc khởi nghĩa Maccabê dẫn đến vương triều Hasmônê tượng trưng cho năm 1776, và cuộc nổi dậy chống vua phương bắc do nhà Maccabê thực hiện tượng trưng cho Chiến tranh Cách mạng. Hai mươi hai năm từ 1776 đến 1798 tượng trưng cho cuộc nổi dậy của Maccabê dẫn đến vương triều Hasmônê vào thời kỳ cuối cùng năm 1798; vương triều này tiếp diễn cho đến

khi vương triều Hêrôđê khởi đầu vào thời kỳ cuối cùng năm 1989. Vương triều Hêrôđê kéo dài cho đến cuộc tàn phá Giêrusalem vào năm 70 sau Công nguyên.

Điều quan trọng cần nhận biết trong dòng lịch sử này có hai phương diện: nó là một minh họa về xứ vinh hiển cổ xưa, vốn tiền trưng cho xứ vinh hiển hiện đại; và nó khởi đầu trong một dòng lịch sử bắt đầu từ câu mười sáu, nơi La Mã lần đầu tiên chinh phục xứ vinh hiển, qua đó xác định chủ đề chính của dòng này. Dòng từ câu mười sáu đến câu hai mươi hai tượng trưng cho xứ vinh hiển, và bối cảnh của nó là luật ngày Chủ nhật sắp đến. Dòng này cũng đại diện cho hai hạng người thờ phượng vốn ảnh hưởng đến cả hai chính quyền vương triều. Phái Sadốc ít về số lượng, nhưng nhìn chung nắm quyền kiểm soát các hệ thống tôn giáo và chính trị Do Thái trong cả hai thời kỳ vương triều. Hệ thống tôn giáo được điều hành bởi hàng tư tế, và hàng tư tế ấy cũng chịu ảnh hưởng của cả phái Sadốc lẫn phái Pharisêu. Các chính quyền Hasmônê và Hêrôđê đều chịu ảnh hưởng của phái Pharisêu và phái Sadốc, và hai vương triều ấy tượng trưng cho chính quyền Hợp chúng quốc Hoa Kỳ từ năm 1798 cho đến luật ngày Chủ nhật.

Những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đại diện cho hai phe chính trị, được phân biệt bởi lập trường của họ đối với vấn đề nô lệ. Đảng Dân chủ ủng hộ chế độ nô lệ, còn Đảng Cộng hòa chống chế độ nô lệ; và cùng nhau họ tương tác với bộ máy chính trị của chính quyền hiến định của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ. Chính quyền ấy là con thú từ đất trong Khải Huyền đoạn mười ba, và lịch sử ngoại tại của con thú từ đất được biểu trưng bởi sừng cộng hòa của nó. Lịch sử nội tại được biểu trưng bởi sừng Tin Lành. Các sừng được tách biệt trên con thú, vì con thú ấy là Hiến pháp phân biệt sừng nhà nước với sừng giáo hội, nhưng chúng cùng nhau vận hành xuyên suốt lịch sử. Sừng cộng hòa có hai luồng ảnh hưởng, hoặc thuận hoặc nghịch với chế độ nô lệ. Sừng Tin Lành có hai luồng ảnh hưởng, hoặc ủng hộ ngày Sa-bát thứ bảy, hoặc ủng hộ ngày thứ nhất của mặt trời.

Khoảng ba mươi năm sau trận Panium, những người Maccabê xác định Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trong lịch sử như vương quốc thứ sáu của lời tiên tri Kinh Thánh. Rồi khoảng một thế kỷ sau, câu mười sáu được ứng nghiệm khi Giêrusalem bị chinh phục, như hình bóng của thập tự giá. Giuđê là chướng ngại thứ hai trong ba chướng ngại mà Rôma khuất phục trong tiến trình nắm quyền thống trị thế giới. Tướng Pompey chinh phục Syria vào năm 65 trước Công nguyên, rồi Giuđa vào năm 63 trước Công nguyên. Về sau, Augustus Caesar chinh phục chướng ngại thứ ba tại trận Actium vào năm 31 trước Công nguyên. Lịch sử này được trình bày trong mạch từ câu mười sáu đến câu hai mươi hai.

Đến thời điểm biến cố thập tự giá, lịch sử Maccabê đã kéo dài gần hai trăm năm. Uriah Smith xác định rằng lịch sử được đại diện bởi sự liên minh với người Do Thái ở câu hai mươi ba cần được quy chiếu về một mốc khởi điểm trong lịch sử đã xảy ra gần hai trăm năm trước lịch sử về thập tự giá ở câu hai mươi hai. Lịch sử của thập tự giá ở câu hai mươi hai phải được đặt tương ứng với câu mười sáu, bởi lẽ câu mười sáu cũng là luật ngày Chủ nhật. Điều này có nghĩa là dòng Maccabê, tức lịch sử của đất vinh hiển của Giu-đa, khởi đầu từ rất lâu trước luật ngày Chủ nhật của câu mười sáu.

Khi chúng ta hiểu rằng lịch sử của phong trào Millerite minh họa cho lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn, chúng ta có thể đặt tương ứng thời kỳ tận cùng của phong trào Millerite (năm

1798) với thời kỳ tận cùng của một trăm bốn mươi bốn nghìn (năm 1989). Khi làm như vậy, chúng ta đang chồng ghép lịch sử của thiên sứ thứ nhất và thứ hai với lịch sử của thiên sứ thứ ba. 1798 và 1989 là các cột mốc Alpha và Ômêga của lịch sử của câu bốn mươi của Đa-ni-ên đoạn mười một.

Câu bốn mươi bắt đầu tại “thời kỳ cuối cùng”, điều có thể dễ dàng chứng minh là năm 1798; và khi được hiểu đúng, sự sụp đổ của Liên Xô vào năm 1989 đã ứng nghiệm câu bốn mươi, và sự ứng nghiệm ấy cũng là “thời kỳ cuối cùng”. Hai “thời kỳ cuối cùng” trong một câu, tức là ở cùng một chương như dòng dõi Macabê. Cuộc khởi nghĩa Macabê dẫn đến triều đại Hasmônê tượng trưng cho hai mươi hai năm từ 1776 đến 1798. Năm 1798 triều đại Hasmônê khởi đầu và triều đại Hêrôđê khởi đầu vào năm 1989.

Đa-ni-ên đoạn mười một, câu mười chỉ ra năm 1989, và câu mười sáu là luật Ngày Chủ nhật. Tuyến lịch sử trong những câu ấy biểu thị ba trận chiến, cùng sự bại vong của một vua phương Nam và sự xuất hiện của Rô-ma trong lịch sử tiên tri. Nó cũng bao hàm tuyến của hai triều đại, tiêu biểu cho sự thay đổi xảy ra khi con thú từ đất trong Khải Huyền đoạn mười ba “có hai sừng như chiên con” và “nói như rồng”. Theo trình tự, triều đại Do Thái thứ nhất là chiên con, và triều đại La Mã thứ hai là rồng. Triều đại thứ nhất là Do Thái, triều đại thứ hai là La Mã. Dù là Do Thái hay La Mã, con thú từ đất vẫn có hai sừng.

Vương triều Do Thái tượng trưng cho sừng Tin Lành, và vương triều La Mã tượng trưng cho sừng Cộng hòa. Cả hai sừng đều hàm chứa một sự phân đôi mang tính tiên tri. Phái Sađốc và Pharisêu tạo khuôn khổ cho sự đối nghịch giữa Đảng Dân chủ chủ nô và Đảng Cộng hòa chống nô lệ; đồng thời cũng tiêu biểu cho một sự phân đôi nơi các trinh nữ đại, đối sánh với các trinh nữ khôn ngoan. Những người Pharisêu, với tư cách là các trinh nữ đại, được thanh lọc trong sự thất vọng thứ nhất; còn những người Sađốc được thanh lọc trong lần thanh tẩy đèn thờ thứ hai. Những người Pharisêu, giống như Hội thánh Sardis, xưng có danh là sống nhưng là chết, nên được thanh lọc trước; rồi đến những người Sađốc, là những kẻ chối bỏ quyền năng của Đức Chúa Trời, chối bỏ quyền năng và sứ điệp của Tiếng Kêu Lúc Nửa Đêm. Những người Sađốc là dân giao ước đang bị bỏ qua; những người Sađốc là những kẻ thỏa mãn với những cảm xúc tốt đẹp.

Sự giảng lâm của Đấng Christ, như đã được sứ điệp của thiên sứ thứ nhất rao báo, được hiểu là được tượng trưng bởi sự đến của Chàng Rể. Cuộc cải chánh rộng khắp dưới lời công bố về sự Ngài sắp đến, tương ứng với việc các trinh nữ đi ra. Trong dụ ngôn này, cũng như dụ ngôn trong Ma-thi-ơ 24, hai hạng người được tiêu biểu. Hết thấy đều đã cầm đèn mình, tức là Kinh Thánh, và nhờ ánh sáng của Kinh Thánh mà đi ra đón Chàng Rể. Nhưng trong khi “những kẻ đại cầm đèn mình mà không đem theo dầu,” thì “những người khôn ngoan lại đem dầu trong bình mình cùng với đèn.” Hạng sau đã tiếp nhận ân điển của Đức Chúa Trời, tức quyền năng tái sinh và soi sáng của Đức Thánh Linh, quyền năng khiến lời Ngài trở nên ngọn đèn cho chân và ánh sáng cho lối đi. Trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, họ đã nghiên cứu Kinh Thánh để học biết lẽ thật, và đã hết lòng tìm kiếm sự thanh sạch của tâm lòng và đời sống. Những người này có kinh nghiệm cá nhân, có đức tin nơi Đức Chúa Trời và lời Ngài, là điều không thể bị lung lay bởi sự thất vọng và trì hoãn. Những người khác “cầm đèn mình mà không đem theo dầu.” Họ hành động theo sự thôi thúc nhất thời. Nỗi sợ hãi của họ đã được khơi dậy bởi sứ điệp trang nghiêm, nhưng họ lại nương dựa vào đức tin của các anh em mình, thỏa lòng với ánh sáng chập

chờn của những cảm xúc tốt lành, mà không có sự hiểu biết thấu triệt về lẽ thật hay một tác động ân điển chân thật trong lòng. Những người này đã đi ra đón Chúa, đầy dẫy hy vọng trước viễn cảnh phần thưởng tức thì; nhưng họ không được chuẩn bị cho sự trì hoãn và thất vọng. Khi thử thách đến, đức tin của họ suy sụp, và đèn họ cháy mờ.

Dù thuộc lãnh vực chính trị hay tôn giáo, cả hai giới đều liên hiệp chống lại những kẻ thông sáng trong cơn khủng hoảng lúc nửa đêm. Nói vậy, chúng tôi mở đầu bài viết bằng cách nêu rằng tôi đang áp dụng câu mười bốn dựa trên vị trí của nó trong mạch văn các câu, trái ngược với trình tự lịch sử được các câu ấy thể hiện. Tôi vận dụng lối lập luận đó phù hợp với vị trí của câu hai mươi ba. Vị trí của một cột mốc phải tương ứng với sự ứng nghiệm lịch sử của nó. Hiệp ước mà người Do Thái lập với La Mã trong thời kỳ Maccabê đã xác định vị trí áp dụng của câu ấy. Những “kẻ cướp” ở câu mười bốn, là những kẻ thiết lập khái tượng, đã làm như vậy vào năm 200 trước Công Nguyên, chính năm xảy ra trận Panium; nhưng trận chiến ấy và những kẻ cướp là hai biểu tượng khác nhau.

“Những kẻ cướp” trở thành một phần của trình thuật, không phải để thiết lập một mối liên hệ trực tiếp với niên đại của trận Panium, nhưng để xác định mối liên hệ họ đã thiết lập với vị quân chủ Ai Cập yếu thế, năm tuổi, đang sắp bị Antiochus đánh bại. Họ không muốn việc nhập khẩu lúa mì Ai Cập vào Đế quốc La Mã bị gián đoạn. Mối tương quan ngôn sứ của Rôma với vị ấu vương Ai Cập mong manh ấy là chủ đề của câu này. Sự can thiệp ấy đang xác định những hệ lụy hậu đồ vỡ phát sinh sau nỗ lực của Putin nhằm tái lập sự lệ thuộc của Giáo hội Ukraina dưới Giáo hội Nga như đã từng có trước năm 1989. Nỗ lực đó khởi đầu sự suy vong tiệm tiến của vương quốc phương nam của ông ta, và khi Putin qua đời như Ptolemy, hoặc bị lưu đày theo cách nào đó như Uzziah và Napoleon, ông bị loại bỏ theo viễn tượng ngôn sứ, và vương quốc của ông sau đó được quản trị bởi một loạt các nhà lãnh đạo kém năng lực hơn. Bây giờ, vào thời của vị vua năm tuổi, Rôma giáo hoàng can thiệp để bảo vệ lợi ích của mình, tức là Giáo hội Ukraina.

Giáo quyền Rôma không đứng về phe nào giữa Chính Thống giáo Nga và Chính Thống giáo Ukraina; trái lại, đi nước đôi với mọi phía nhằm đặt mọi thể chế tôn giáo dưới quyền bính của mình, như được trình bày trong Ê-sai chương bốn.

Trong ngày ấy, bảy người nữ sẽ nắm lấy một người nam, mà nói rằng: Chúng tôi sẽ ăn bánh của chính mình và mặc y phục của chính mình; chỉ xin cho chúng tôi được gọi theo danh của ông, để cất sự si nhục khỏi chúng tôi. Trong ngày ấy, chồi của Đức Giê-hô-va sẽ nên đẹp đẽ và vinh hiển, và bông trái của đất sẽ nên tốt tươi và xinh tốt cho những kẻ đã thoát nạn của Y-sơ-ra-ên. Và sẽ xảy ra rằng kẻ nào còn sót lại tại Si-ôn, và kẻ nào còn ở lại tại Giê-ru-sa-lem, đều sẽ được gọi là thánh, tức là hết thảy những người được ghi chép trong số những người sống tại Giê-ru-sa-lem. Ê-sai 4:1-3.

Quyền giáo hoàng nắm quyền kiểm soát tất cả các đoàn thể tôn giáo, được biểu trưng như bảy người nữ, nghĩa là tất cả các Hội thánh. Bảy Hội thánh ấy muốn được gọi là “catholic”, nghĩa là “phổ quát”, và hiển nhiên họ không phải là dân của Đức Chúa Trời, vì họ chủ trương mặc y phục của riêng mình. Sự hiệp nhất của tất cả các đoàn thể tôn giáo muốn mặc lấy y phục nhân loại của riêng mình xảy ra vào thời khi “những người ở Giê-ru-sa-lem sẽ được gọi là thánh”, tức là khi Nhánh của Chúa biến đổi từ một dân La-ô-đi-xê thành một dân Phi-la-đen-phi; và chính khi ấy

quyền giáo hoàng trở thành đầu của mọi đoàn thể tôn giáo, đồng thời cũng sẽ được lập làm đầu của các đoàn thể chính trị.

Năm 1989, Giáo hội Ukraine là biểu tượng của việc vua phương bắc quét sạch Liên Xô, và Putin sẽ tìm cách khôi phục mối quan hệ phức tạp trước đây, bị mắc chứng phong hủi nơi trán và khởi sự một cuộc bách hại chống lại tôn giáo đã khước từ các yêu sách của ông. Cuộc bách hại ấy diễn ra tại chính quốc của Ptolemy, ở thành Alexandria, nên các giáo hội trong lãnh thổ Nga chịu ảnh hưởng của Rôma sẽ trở thành mục tiêu của Putin, và là sự kết thúc của ông. Khi Trump chuẩn bị cho trận Panium, mối quan hệ công khai của ông với vị bảo hộ của ấu vương Ai Cập đang suy yếu được xác định vào năm 2025. Quyền lực La Mã vốn vào năm 200 trước Công nguyên đã bảo vệ ấu vương Ai Cập, khi ấy sẽ không còn bảo vệ ấu vương nữa. Quyền lực ấy sẽ góp phần chấm dứt vị ấu vương. La Mã, với tư cách là người bảo hộ của Ai Cập vào năm 200 trước Công nguyên, tượng trưng cho La Mã với tư cách là kẻ hủy diệt Ai Cập tại trận Panium.

Những người theo William Miller

Phái Millerite đã không nhận ra ba quyền lực La Mã; họ chỉ thấy hai mà thôi, nhưng chân lý họ nắm giữ vẫn là chân lý. Lý luận tiên tri về Antiôkhô như một biểu tượng cho phép chúng ta áp dụng câu mười bốn vào một giai đoạn lịch sử đi trước câu mười lăm, đầu lịch sử ban đầu làm ứng nghiệm các câu ấy đã đặt cả câu mười bốn lẫn câu mười lăm vào năm 200 TCN. Tôi khẳng định câu mười sáu là luật ngày Chủ nhật sắp đến, rằng câu mười bốn ứng với năm 2025, và câu mười lăm là trận Panium vẫn còn ở tương lai. Antiôkhô chứng minh rằng ba trận chiến ấy thuộc về cùng một tuyến tiên tri, vì ông hiện diện trong cả ba; đồng thời ông cũng xác nhận luận điểm tôi nêu ra về sự áp dụng các câu ấy cho thời kỳ sau rốt, khi được phân định cách đúng đắn theo phương pháp dòng trên dòng.

Antiôkhô đã có mặt trong cả ba trận chiến, và trong những ngày sau rốt ông đại diện cho quyền lực ủy nhiệm của chế độ giáo hoàng vào năm 1989 (Reagan và Hoa Kỳ), năm 2014 (Zelenskyy và Ucraina), và rồi tại trận Panium thì đó cũng là cùng quyền lực ủy nhiệm như năm 1989, vì Chúa Giê-xu luôn trình bày sự cuối cùng ngay từ ban đầu. Ronald Reagan đã chết và được an táng, nên lời chứng lịch sử của Antiôkhô là chính xác theo cách hiểu của phái Millerite, nhưng vẫn chịu sự chi phối của các quy tắc điều chỉnh việc áp dụng nguyên tắc “dòng trên dòng”. Quyền lực ủy nhiệm sau cùng của chế độ giáo hoàng trong các câu ấy là Trump, mặc dù về mặt lịch sử Antiôkhô có mặt trong cả ba trận chiến. Để ứng nghiệm câu mười ba, Trump đã phải thua kỳ bầu cử thứ hai, vì trong câu mười ba ông “trở lại”, mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đủ mạnh để chịu một viên đạn xuyên qua tai—mà tai ấy, cùng với ngón tay cái bên phải và ngón chân cái bên phải, là những chỗ phải được xúc huyết khi các thầy tế lễ được thánh hiến.

Reagan là tiền hình của Trump, vì Reagan là vị đầu tiên trong tám vị tổng thống cuối cùng kể từ thời kỳ tận cùng vào năm 1989. Lincoln là tiền hình của Trump, vì ông là vị tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa đầu tiên. Lincoln bị ám sát bởi những người thuộc Đảng Dân chủ ủng hộ chế độ nô lệ trong liên minh với Rôma, và cả Ronald Reagan lẫn đồng nhiệm là Giáo hoàng Gioan Phaolô II đều sống sót sau các mưu toan ám sát. Trump đã bị ám sát về mặt chính trị vào năm 2020, với cuộc bầu cử bị đánh cắp là sự ứng nghiệm của Sách Khải Huyền đoạn mười một, câu bảy; và rồi đến

năm 2024 ông được phục sinh, ứng nghiệm câu mười một.

Và khi họ đã hoàn tất việc làm chứng của mình, con thú từ vực sâu vô đáy đi lên sẽ giao chiến với họ, đánh bại họ và giết họ. ... Và sau ba ngày rưỡi, Thần của sự sống từ Đức Chúa Trời đã nhập vào họ, và họ đứng dậy trên chân mình; và sự kinh khiếp lớn đã giáng trên những kẻ thấy họ. Khải Huyền 11:7, 11.

Sự phục sinh của Trump là “sự trở lại” của ông ở câu mười ba; đồng thời, nó cũng cho thấy một điểm tương đồng với một đặc trưng của La Mã, vì La Mã là “cái thứ tám vốn thuộc về bảy,” và Trump là một hình ảnh của La Mã.

Và con thú đã có, mà hiện không có, chính nó là con thú tám, và là một trong bảy, và đi vào chốn hư mất. Khải Huyền 17:11.

Nhiệm kỳ thứ hai của Trump khiến ông trở thành vị tổng thống thứ tám kể từ thời Reagan; và vì trước đó ông cũng từng là vị thứ sáu, nên Trump, theo mô hình của chế độ Giáo hoàng, là “người thứ tám, vốn thuộc về bảy.” Số tám là biểu tượng của sự phục sinh, điều này nhấn mạnh rằng ông, với tư cách là một hình ảnh của chế độ Giáo hoàng, cần phải có một vết thương chí tử được chữa lành để có thể “trở lại.”

Và tôi thấy một trong các đầu của nó dường như bị thương đến chết; và vết thương chí tử ấy đã được chữa lành; và cả thế gian đều lấy làm lạ mà theo con thú. Khải Huyền 13:3.

Khi vết thương chí tử được chữa lành, thế gian “lấy làm lạ mà theo con thú”; và khi Trump được phục sinh như kẻ thứ tám, vốn thuộc về bảy, vào năm 2024, ông “trở lại”, và cả thế gian đều lấy làm lạ mà theo ông.

Sau ba ngày rưỡi, Thần khí của sự sống từ Thiên Chúa nhập vào họ, và họ đứng dậy; nỗi sợ hãi lớn bao trùm những ai thấy họ. Họ nghe một tiếng lớn từ trời phán với họ: Hãy lên đây. Và họ lên trời trong một đám mây; các kẻ thù của họ nhìn thấy họ. Khải Huyền 11:11-12.

Trump “trở lại” trong cuộc bầu cử năm 2024, và rồi vào năm 2025, lễ nhậm chức của ông và lễ đăng quang của Giáo hoàng Lêô đều đã được cử hành. Chúa Giêsu đã đưa ra một lời cảnh báo trực tiếp và công bằng, cho bất cứ ai muốn nhìn thấy.

Vậy, khi các ngươi thấy sự gớm ghiếc hoang tàn, điều mà tiên tri Đa-ni-ên đã nói đến, đứng nơi thánh, (ai đọc thì hãy hiểu.) Ma-thi-ơ 24:15.

Thánh Mác-cô trình bày điều ấy có lẽ rõ ràng hơn đôi chút.

Nhưng khi các ngươi thấy sự gớm ghiếc gây nên sự hoang tàn, điều đã được tiên tri Đa-ni-ên nói đến, đứng ở nơi không nên, (ai đọc thì hãy hiểu,) bấy giờ những người ở Giu-đê hãy trốn lên núi. Mác 13:14.

Điều ghê tởm gây nên sự hoang tàn chính là Rôma trong cả ba giai đoạn của nó. Rôma ngoại giáo, Rôma giáo hoàng và Rôma hiện đại, mỗi giai đoạn đều là một biểu tượng cảnh báo cho dân của Đức Chúa Trời. Cảnh báo ấy phải được nhận ra khi Rôma ở trong một "nơi thánh" hoặc ở nơi "không nên" hiện diện. Xứ vinh hiển là xứ thánh trong Kinh Thánh, và Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ

là xứ vinh hiển thuộc linh.

Đức Giê-hô-va sẽ nhận Giu-đa làm phần cơ nghiệp của Ngài trong đất thánh, và sẽ lại chọn Giê-ru-sa-lem. Hỡi mọi xác phàm, hãy lặng yên trước mặt Đức Giê-hô-va, vì Ngài đã trỗi dậy khỏi nơi ngự thánh của Ngài. Xa-cha-ri 2:12, 13.

Khi thấy Rôma đứng trong nơi thánh, Chúa đang tuyển chọn Giê-ru-sa-lem làm dân giao ước của Ngài lần cuối cùng. Khi Reagan, vị thứ nhất trong tám tổng thống, thiết lập một liên minh bí mật với kẻ Phản Kitô theo lời tiên tri Kinh Thánh, điều đó biểu thị một liên minh công khai với Rôma do vị tổng thống thứ tám và cuối cùng kể từ thời kỳ cuối cùng vào năm 1989 thực hiện. Các biểu tượng Omega thường đảo ngược các thuộc tính của biểu tượng Anpha.

Lễ đăng quang của Đức Giáo hoàng Lêô và lễ nhậm chức của Trump vào năm 2025 chỉ ra một mối quan hệ công khai giữa con thú từ biển và con thú từ đất trong Sách Khải Huyền, chương mười ba. Sự đảo chiều sang một liên minh công khai giữa Trump và Lêô, vốn đã được tiên trưng bởi liên minh bí mật giữa Reagan và Gioan Phaolô II, cho chúng ta biết rằng sự hậu thuẫn dành cho ấu vương Ai Cập, vốn đã ứng nghiệm câu mười bốn vào năm 200 trước Công nguyên, biểu thị một sự thiếu hậu thuẫn trong những ngày sau rốt.

Năm 2025 xác lập khái tượng hoặc lời tiên tri nền tảng mang tính ngoại tại, vì nó nêu cao hình ảnh La Mã như một lời cảnh báo của chính La Mã, điều được Đa-ni-ên nhận diện qua biểu tượng “sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn.” Lời cảnh báo về sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn diễn ra trước sự hủy diệt được biểu trưng bởi “sự hoang tàn.” Trong cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem dưới quyền Cestius, lời cảnh báo được biểu hiện qua việc các quân kỳ biểu trưng thẩm quyền của La Mã được đặt trong khuôn viên thánh của đền thánh. Những ai đã thấy, hiểu, vâng phục và rời khỏi thành thì được bảo toàn khi cuộc vây hãm được tiến hành trở lại. Họ đã thấy dấu hiệu cảnh báo của La Mã. Các Cơ Đốc nhân tách khỏi hội thánh Bết-găm đã thỏa hiệp, và sau đó khỏi hội thánh Thi-a-ti-ra, đã chạy vào đồng vắng khi họ thấy người tội ác ngự trong đền thờ của Đức Chúa Trời. Các chứng nhân ấy xác định một lời cảnh báo về sự góm ghiếc gây ra sự hoang tàn mà Đa-ni-ên đã nói đến trong những ngày sau rốt.

Chúng ta đã nhiều lần chỉ ra rằng năm 1888 là cuộc vây hãm của Cestius, và sự kết thúc của khủng hoảng luật ngày Chủ nhật là cuộc vây hãm của Titus. Các dự luật Chủ nhật của Blair trong thập niên 1880, cùng với các luật ngày Chủ nhật được ban hành tại một số tiểu bang miền Nam trong thập niên ấy, chính là lời cảnh báo của Cestius, đồng thời đánh dấu đường ranh phân định trong lời khuyên của Bà White về việc sống ở nông thôn. Trước thập niên 1880, lời khuyên của bà là trong tương lai chúng ta sẽ cần chuyển về nông thôn; nhưng sau thập niên 1880, sống ở nông thôn là điều lẽ ra đã phải được thực hiện rồi. Dấu hiệu cảnh báo từ các dự luật Blair, với việc cổ súy dấu ấn quyền bính của quyền lực giáo hoàng vốn được bàn luận trong thập niên 1880, đã là tiền ảnh cho Đạo luật Patriot vào thời điểm 11/9, vì thiên sứ của Khải Huyền đoạn mười tám đã xuất hiện trong cả hai lịch sử ấy.

9/11 là lời cảnh báo về việc Cestius đặt quyền bính của mình tại nơi thánh, nơi nó không nên có, vì vào 9/11, luật La Mã đã thay thế luật Anh. Trong các phiên tòa Pelosi năm 2021, điều khoản về thủ tục due process đã bị khước từ, và điều đó biểu thị thêm một bước tiến hướng tới cuộc vây hãm của

Titus, vốn kết thúc tại đạo luật Ngày Chủ Nhật sắp đến tại Hoa Kỳ. Cuộc vây hãm là một giai đoạn thời gian. Năm 1888 nói về sự phản loạn của sừng Tin Lành nội bộ, và 9/11 nói về sự phản loạn của sừng Cộng Hòa bên ngoài. Việc giáo hoàng từ đất vinh hiển được đăng quang trong cùng năm mà vị tổng thống sau cùng cũng được nhậm chức tượng trưng cho lời cảnh cáo sau cùng về sự góm ghiếc hoang tàn đứng nơi không nên đứng, ngay trước trận chiến Panium. Trận chiến Panium dẫn trực tiếp đến luật Ngày Chủ Nhật và trận chiến Actium, vốn tượng trưng cho chương ngại thứ ba và sau cùng đối với La Mã ngoại giáo, và rồi La Mã ngoại giáo cai trị tối thượng trong 360 năm để ứng nghiệm Đa-ni-ên 11:24. Tại luật Ngày Chủ Nhật, cả hai vương quốc thứ sáu và thứ bảy đều bị La Mã chinh phục, và La Mã hiện đại sau đó trị vì trong một giờ tượng trưng, tức bốn mươi hai tháng tượng trưng.

Trong câu mười sáu, Pompey, người vừa chinh phục chương ngại đầu tiên của La Mã ngoại giáo là Syria, rồi tiếp tục chinh phục Giê-ru-sa-lem. Pompey vượt qua hai chương ngại đầu tiên của La Mã, và Augustus Caesar chinh phục chương ngại thứ ba tại Actium. La Mã hiện đại trước hết chinh phục vua phương nam vào năm 1989, ứng nghiệm câu bốn mươi, và như được tiêu biểu bởi câu mười. Rồi tại luật ngày Chủ nhật, La Mã hiện đại chinh phục chương ngại thứ hai và thứ ba: thứ hai là Hoa Kỳ; kể đó Liên Hiệp Quốc lập tức ưng thuận trao vương quốc của họ cho quyền lực giáo hoàng. La Mã ngoại giáo chinh phục hai với Pompey, rồi một; còn La Mã giáo hoàng chinh phục một vào năm 1989, rồi hai kế tiếp ở câu mười sáu, là nơi Pompey được đánh dấu bằng lần chinh phục thứ hai của mình.

Dù đó là chương ngại thứ ba tại Actium đối với La Mã ngoại giáo, hay là chương ngại thứ ba được biểu trưng bởi việc người Goth bị đánh đuổi khỏi thành Rôma vào năm 538, thì khi La Mã vượt qua chương ngại thứ ba, La Mã thống trị tối thượng.

Chắc chắn Chúa Giê-hô-va chẳng làm việc gì, mà không bày tỏ sự kín giấu của Ngài cho các tôi tớ Ngài là các đấng tiên tri. Amôt 3:7.

Chúa ắt sẽ ban cho sự tỏ hiện sau cùng của điềm cảnh cáo được biểu trưng là sự góm ghiếc gây hoang tàn trong sách Đa-ni-ên, trước khi sự hoang tàn đến. Điềm cảnh cáo ấy là liên minh công khai, đối nghịch với liên minh bí mật của Reagan, vốn được biểu trưng vào năm 2025. Chúa sẽ không giáng phạt, nếu trước hết chưa ban lời cảnh cáo; và A-môt nói rất rõ ràng về mặc khải kín nhiệm dành cho các đầy tớ của Ngài là gì, và nó nhắm đến ai.

Hỡi con cái Y-sơ-ra-ên, hãy nghe lời này là lời Đức Giê-hô-va đã phán nghịch cùng các ngươi, nghịch cùng cả nhà mà Ta đã đem lên từ đất Ê-díp-tô, rằng: Trong muôn gia tộc trên mặt đất, chỉ mình các ngươi là kẻ Ta đã biết; bởi đó, Ta sẽ thăm phạt các ngươi về mọi sự gian ác của các ngươi. A-môt 3:1, 2.

A-môt đang nói với thế hệ cuối cùng của dân giao ước được Đức Chúa Trời chọn lựa, là những người sẽ bị trừng phạt, tương ứng với hai mươi lăm người cúi lạy mặt trời trong Ê-xê-chi-ên đoạn tám. A-môt đang trình bày sứ điệp La-ô-đi-xê, tức là sứ điệp của thiên sứ thứ ba trong tiến trình xóa bỏ tội lỗi vào thời kỳ phán xét người sống. Lời cảnh báo của A-môt được đặt nền tảng trên một sự hiệp nhất của hai phe.

Há hai người có thể cùng nhau đi, nếu không hiệp nhau chẳng? Há sư tử rống trong rừng khi nó không có mồi chẳng? Sư tử tơ há gầm từ hang nó, nếu nó chưa bắt được gì chẳng? Con chim há sa vào bẫy dưới đất, nơi không có bẫy giăng cho nó, chẳng? Có ai cất bẫy khỏi đất mà chẳng bắt được gì chẳng? Kèn có thổi trong thành, mà dân không run sợ chẳng? Có điều dữ xảy ra trong thành, mà Chúa chẳng làm nên chẳng? A-mốt 3:3-6.

Lời cảnh báo về hai người cùng bước đi như một được đặt trong bối cảnh một cạm bẫy bắt lấy một con chim trên đất. Chim là biểu tượng của các tổ chức tôn giáo, và giáo hoàng quyền là một cái lồng nhốt mọi loài chim ô uế và đáng ghét trong Sách Khải Huyền.

Và người ấy cất tiếng mạnh mẽ mà kêu rằng: Ba-by-lôn lớn đã sụp đổ, đã sụp đổ, và đã trở nên nơi cư trú của ma quỷ, chỗ giam giữ mọi thần ô uế, và lồng giam của mọi loài chim ô uế và đáng ghét. Vì muôn dân đã uống rượu của con thịnh nộ do sự tà dâm của nó; các vua trên đất đã phạm tà dâm với nó; và các thương gia trên đất đã trở nên giàu có nhờ sự dồi dào những đồ xa hoa của nó. Khải Huyền 18:2, 3.

Một con chim trong lồng là một con chim bị bắt, và khi một quốc gia phạm dâm với dâm phụ của Rôma thì nó trở thành một con chim bị bắt, và con chim được cất nhắc lên trên hết mọi con chim tiên tri khác chính là quyền lực có ngôi nhà ba phần được xây dựng, được thiết lập tại luật ngày Chủ nhật, tại nơi của nàng, tức là Shinar, tức là Babylon. Ấy là con chim đã nhận một vết thương chí tử vào năm 1798, hoặc, như Zechariah nói, đã được đặt một nắp chì lên cái giỏ của nó, nhưng rồi sau đó được cất nhắc bởi những con chim của chủ nghĩa tâm linh và Tin Lành bội đạo.

Rồi thiên sứ đang nói với tôi bước ra và bảo tôi: Bây giờ hãy ngược mắt lên, và xem cái gì đang đi ra. Tôi hỏi: Ấy là gì? Người đáp: Ấy là một ê-pha đang đi ra. Người lại nói: Đây là hình dạng của họ trên khắp đất. Và kia, có một ta-lăng chì được nhắc lên; và đây là một người đàn bà đang ngồi ở giữa cái ê-pha. Người nói: Ấy là sự gian ác. Rồi người ném người đàn bà ấy vào giữa cái ê-pha; và người đặt khối chì nặng lên miệng của nó. Bây giờ tôi ngược mắt lên và nhìn; kia, có hai người đàn bà đi ra, và trong cánh họ có gió; vì họ có cánh như cánh cò; và họ nhắc cái ê-pha lên giữa đất và trời. Tôi bèn nói với thiên sứ đang nói với tôi: Những người này mang cái ê-pha đi đâu? Người nói với tôi: Để xây cho nó một cái nhà trong xứ Si-na; và nó sẽ được lập nên, và đặt ở đó trên nền riêng của nó. Xa-cha-ri 5:5-11.

Cạm bẫy của A-mốt bắt lấy con chim trên đất, vì nó tượng trưng cho liên minh đi trước đạo luật Chủ nhật sắp đến, trong đó con chim trên đất bị bắt; và theo A-mốt, liên minh ấy là một lời quở trách đối với Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy ở tình trạng La-ô-đi-xê, vì sẽ có tiếng kèn cảnh báo vang lên trong thành, nhưng họ sẽ từ chối lắng nghe.

Há có kèn thổi trong thành mà dân sợ chẳng run sợ sao? Há có tai họa trong thành mà Chúa Giê-hô-va chẳng làm sao? Quả thật, Chúa Giê-hô-va sẽ không làm điều gì, nếu Ngài không bày tỏ điều kín nhiệm của Ngài cho các tôi tớ Ngài là các tiên tri. Sư tử đã gầm, ai chẳng sợ? Chúa Giê-hô-va đã phán, ai chẳng nói tiên tri? Amốt 3:6-8.

Sư tử rống chính là Sư Tử của chi phái Giu-đa, Đấng tượng trưng cho Đấng Christ khi Ngài đóng ấn và khai ấn Lời tiên tri của Ngài. Liên minh công khai năm 2025 là cuộc vây hãm của Cestius, và biểu tượng về những kẻ cướp bóc dân của Đức Chúa Trời được xác lập khi người ta thấy hai kẻ

cùng đi với nhau, vốn không bao giờ nên cùng tồn tại. Rôma liên minh và liên kết với người Kháng Cách là một mâu thuẫn tự thân, vì làm người Kháng Cách có nghĩa là phản kháng Rôma.

Chúng ta sẽ tiếp tục những nội dung này trong bài viết tiếp theo.

Quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy

Và hãy nhớ rằng, Rôma vẫn tự hào rằng mình không bao giờ thay đổi. Những nguyên tắc của Gregory VII và Innocent III vẫn là những nguyên tắc của Giáo hội Công giáo La Mã. Và chỉ cần có quyền lực, Giáo hội sẽ đem những nguyên tắc ấy ra thực hành với sự quyết liệt không kém gì các thế kỷ trước. Người Tin Lành ít hiểu họ đang làm gì khi chủ trương chấp nhận sự hỗ trợ của Rôma trong việc tôn cao ngày Chủ nhật. Trong khi họ quyết tâm đạt cho bằng được mục tiêu của mình, Rôma lại nhằm tái lập quyền lực, giành lại địa vị tối thượng đã mất. Chỉ cần một khi nguyên tắc này được thiết lập tại Hoa Kỳ—rằng Giáo hội có thể sử dụng hoặc kiểm soát quyền lực của nhà nước; rằng các việc thực hành tôn giáo có thể được cưỡng chế bằng luật đời; tóm lại, rằng quyền bính của giáo hội và nhà nước sẽ thống trị lương tâm—thì chiến thắng của Rôma trên đất nước này là điều chắc chắn.

"Lời của Đức Chúa Trời đã cảnh báo về mối nguy đang kề cận; nếu điều này bị phớt lờ, thế giới Tin Lành sẽ chỉ biết các mục đích thật sự của La Mã là gì khi đã quá muộn để thoát khỏi cạm bẫy. Nó đang âm thầm lớn mạnh. Giáo lý của nó đang phát huy ảnh hưởng tại các nghị trường, trong các hội thánh, và trong lòng người. Nó đang dựng lên những công trình cao ngất và đồ sộ của mình, mà trong những góc ngách bí mật của chúng, những cuộc bách hại trước kia của nó sẽ được lặp lại. Một cách lén lút và không ai ngờ tới, nó đang củng cố lực lượng của mình để phục vụ mưu đồ riêng khi thời điểm đến để ra tay. Điều nó mong muốn chỉ là một vị thế thuận lợi, và điều ấy đang được trao cho nó. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thấy và cảm nhận mục đích của thế lực La Mã là gì. Ai tin và vâng theo Lời Đức Chúa Trời sẽ vì thế mà chuốc lấy sự sỉ nhục và bách hại." Cuộc Đại Tranh Chấp, 581.

"Có một thế giới đang nằm trong sự gian ác, lừa dối và mê lầm, ngay dưới bóng của sự chết—ngủ mê, ngủ mê. Ai đang chịu nổi thống khổ trong linh hồn để đánh thức họ? Tiếng nói nào có thể chạm đến họ? Tâm trí tôi hướng về tương lai, khi tín hiệu sẽ được phát ra: 'Kìa Chàng Rê đến; hãy đi ra đón Ngài.' Nhưng có người sẽ chậm trễ trong việc lấy dầu để châm thêm cho đèn mình, và đến khi quá muộn họ mới thấy rằng tính cách—điều được tượng trưng bởi dầu ấy—không thể truyền cho nhau. Dầu ấy chính là sự công bình của Đấng Christ. Nó tượng trưng cho tính cách, và tính cách thì không thể truyền cho người khác. Không ai có thể đạt được nó thay cho người khác. Mỗi người phải tự mình có được một tính cách được thanh tẩy khỏi mọi vết nhơ của tội lỗi." Bible Echo, ngày 4 tháng 5, 1896.

Khi tôi nhìn thấy những linh hồn khốn khổ đang chết vì thiếu lễ thật hiện tại, và thấy một số người xưng mình tin lễ thật đã để họ phải chết bằng cách giữ lại những phương tiện cần thiết cho việc thúc đẩy công việc của Đức Chúa Trời, cảnh tượng ấy quá đau đớn, và tôi nài xin thiên sứ cất nó khỏi tôi. Tôi thấy rằng khi sự nghiệp của Đức Chúa Trời yêu cầu một phần tài sản của họ, thì họ, như chàng thanh niên đã đến cùng Chúa Giê-su (Matthew 19:16-22), buồn rầu mà đi; và chẳng bao lâu tai vạ tràn ngập sẽ lướt qua và quét sạch mọi của cải của họ, bấy giờ sẽ quá muộn để hy sinh của cải trần gian và dâu trĩ của báu ở trên trời. Early Writings, 49.

Giu-đa nhận thấy những lời khẩn cầu của mình là vô ích, và ông vội vã chạy ra khỏi sảnh đường, vừa kêu lên: “Quá muộn rồi! Quá muộn rồi!” Ông cảm thấy mình không thể sống để chứng kiến Đức Chúa Giê-su bị đóng đinh, và trong tuyệt vọng, ông đi ra và treo cổ tự vẫn. Khát vọng của các thời đại, 722.